

Bản án số: 19/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 14/8 /2019

V/v “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hồng Hải
2. Bà Nguyễn Thị Thanh
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên.
- *Đại diện VKSND thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Lê Phương Thùy – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên , tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 85/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, về việc tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX - ST ngày 05/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 09/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang M, sinh năm 1992

ĐKNKTT: Xóm Tân Cương, xã Vạn Phái, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Vân A, sinh năm 1993

ĐKNKTT: TDP Đồng Tâm, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

(có mặt anh M, vắng mặt chị Vân A tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/3/2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Quang M trình bày: anh và chị Vân A sau một thời gian tìm hiểu, quen biết nhau đã tự nguyện đi đến kết hôn. Tuy nhiên, cả hai không được sự đồng ý của hai bên gia đình nên anh, chị không tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán của địa phương mà tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Ba Hàng vào ngày 17/8/2016. Thời gian đầu sau khi kết hôn, anh chị thuê nhà trọ sinh

sống nhưng tình cảm vợ chồng hòa thuận đầm ấm. Do không được sự hậu thuẫn của gia đình, công việc của anh chị thu nhập thất thường nên cuộc sống vợ chồng không được dư dả, nhất là sau khi chị Vân A sinh con thì kinh tế ngày càng thiếu thốn trầm trọng. Ngày 06/7/2017, bố mẹ anh cho vợ chồng về ở chung tại xóm Tân C, xã V nhưng tự lập về kinh tế. Chị Vân A vẫn phải đi làm thuê, thu nhập không ổn định, ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật thì thường xuyên phải về nhà ngoại để chăm sóc con riêng của chị Vân A nên cuộc sống ngày càng phức tạp, vợ chồng luôn xảy ra bất hòa. Ngày 22/12/2018 chị Vân A có hỏi xin phép mẹ anh cho về ngoại chơi, khi đi không ai để ý nên đã mang toàn bộ quần áo của mẹ và con đi chơi cả tuần không thấy về. Bố mẹ anh có gọi về không được. Nhiều tháng nay vợ chồng mỗi người sống một nơi, áp lực giữa mẹ chồng - nàng dâu ngày càng nặng nề, duy trì cuộc sống chung cũng không có hạnh phúc. Do vậy anh làm đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vân A.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung: cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 16/4/2017. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu chị Vân A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Khoản nợ chung: Về khoản nợ đã trả do vậy vợ chồng không còn nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khoản cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/4/2019 bị đơn chị Phạm Thị Vân A trình bày:

Về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn như anh M trình bày là đúng. Tuy anh chị kết hôn không được sự đồng ý của gia đình anh M nhưng tình cảm vợ chồng vẫn rất tốt, không có vấn đề mâu thuẫn gì. Do gia đình anh M ngay từ đầu đã không đồng ý với cuộc hôn nhân của anh chị nên đã cố ý gây chia rẽ tình cảm vợ chồng. Tháng 12/2018 giữa chị và chồng có xảy ra xích mích, chị có xin phép bố mẹ chồng về bên nhà ngoại ở 1 tuần. Trong thời gian đó bố mẹ chồng chị có gọi điện cho chị, qua đó chị có nhờ bố chồng khuyên bảo chồng không đi chơi và bán chim nữa, tuy nhiên bố chồng chị lại nói “ chuyện của chúng mày tao không quan tâm”. Từ khi chị về bên nhà ngoại vợ chồng thỉnh thoảng vẫn gặp nhau do gia đình nhà chồng ép, cảm đoán nên chồng chị buộc phải viết đơn ly hôn. Do vậy, chị không đồng ý ly hôn vì vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì, bên cạnh đó con chị còn nhỏ, cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 16/4/2017. Do không đồng ý ly hôn, nên chị không đề nghị gì về con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu gì.

Khoản nợ chung: Anh Mạnh đã trả nợ xong nên vợ chồng không còn nợ chung, không đặt ra việc giải quyết.

Khoản cho vay chung: không có, không đặt ra việc giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, của Hội đồng xét xử của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho anh M được ly hôn chị Vân A.

+ *Về con chung:* áp dụng Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị giao con tên Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 16/4/2017 cho chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận anh M tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Vân A mỗi tháng 2.500.000đ

+ *Về tài sản chung, Khoản nợ chung, cho vay chung:* Không có, không xem xét.

+ *Án phí:* anh M chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn anh Nguyễn Quang M khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết quyền nuôi con chung với bị đơn Phạm Thị Vân A cả hai đều đăng ký nhân khẩu thường trú tại thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là Tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

[2.1]. *Về sự vắng mặt của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải lần 2, chị Vân A đã được tổng đạt hợp lệ thông báo phiên hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, việc hòa giải không thành. Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên căn cứ Điều 220 Bộ luật TTDS 2015, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần 1, chị Vân Anh vắng mặt không có lý do, HĐXX đã căn cứ khoản 1 Điều

227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị Vân A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Phạm Thị Vân A.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành các biện pháp xác minh thu thập chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh M và nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ của chị Vân A thì thấy: Anh Nguyễn Quang M và chị Phạm Thị Vân A tự nguyện kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ba Hàng vào ngày 17/8/2016, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh M trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, đầm ấm mặc dù anh chị kết hôn không được sự đồng ý của gia đình anh, vợ chồng tự thuê nhà, mưu sinh, lo cho cuộc sống nên kinh tế cũng gặp nhiều khó khăn. Khó khăn càng khó khăn thêm khi con chung của anh chị chào đời. Cũng chính vì thế mà bố mẹ anh đã cho vợ chồng về ở cùng nhưng bản thân anh chị ăn riêng, vẫn phải tự chủ về mặt kinh tế. Bên cạnh đó, chị Vân A vẫn phải có trách nhiệm với con riêng của mình nên cuộc sống chung càng ngày càng phức tạp, mâu thuẫn mẹ chồng – nàng dâu, mâu thuẫn vợ chồng từ đó nảy sinh. Tháng 12/2018, chị Vân A xin phép gia đình bế con về nhà ngoại chơi, từ đó không về gia đình chồng nữa, mặc dù phía gia đình anh Mạnh cũng gọi chị về, từ đó khiến mâu thuẫn giữa gia đình anh và chị Vân A càng ngày càng nặng nề thêm, vợ chồng không chung sống cùng nhau nhiều tháng nay, cuộc hôn nhân không còn có hạnh phúc nên anh đề nghị ly hôn. Phía bị đơn chị Vân A thì cho rằng vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì, chỉ là do phía gia đình anh Mạnh gây sức ép buộc anh M phải ly hôn chị nên chị không đồng ý ly hôn.

HĐXX thấy, nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình của chị Vân A là chính đáng, bởi mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xong bản thân chị Vân A và anh M không chung sống cùng nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Điều này phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án, cụ thể:

Tại biên bản xác minh ngày 13/6/2019 Bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Quang T (là bố mẹ đẻ của anh M) đã cung cấp cho Tòa án: Anh M và chị Vân A quen biết và kết hôn từ năm 2016 không được sự đồng ý của gia đình bà vì chị Vân A đã có một đời chồng và có con riêng. Do vậy anh M tự ý bỏ nhà đi theo chị Vân A và chung sống với nhau, tự đi đăng ký kết hôn vào năm 2016, gia đình cũng không tổ chức cưới hỏi gì cho anh chị. Quá trình chung sống giữa anh chị cũng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi nhau, xô sát với nhau. Chính vì vậy mà đầu năm 2017, anh M đã làm đơn xin ly hôn chị Vân A được Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên giải quyết, tuy nhiên thời điểm đó con anh chị còn nhỏ nên anh M đã rút đơn về đoàn tụ (Quyết định đình chỉ vụ án số

25/QĐTS - HN&GD ngày 19/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên). Tuy nhiên, sau khi rút đơn ly hôn anh M và chị Vân A không ở cùng gia đình bà mà về bên nhà chị Vân A ở. Đến khi con chung được 16 tháng tuổi, gia đình bà đồng ý cho vợ chồng anh chị về nhà chung sống. Khi về nhà thì anh chị ăn riêng, ở riêng nhưng giữa vợ chồng cũng thường nảy sinh cãi vã, chị Vân Anh hay giận dỗi chồng và nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Ngày 22/12/2018, giữa anh chị xảy ra việc xích mích, Chị Vân A có nói với gia đình là xin phép về bên nhà ngoại một tuần nhưng từ ngày đến nay không về, gia đình có hỏi anh M thì anh M nói vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã nhau.

Về phía quan hệ thông gia, từ khi anh M và chị Vân A kết hôn, chung sống đến nay, gia đình bà cũng chưa từng gặp gỡ, biết mặt gia đình chị Vân A. Khi gia đình bà đón mẹ con chị Vân A về chung sống cùng gia đình và đến ngày chị Vân A bỏ về nhà bố mẹ đẻ không về, phía gia đình chị Vân A cũng không hề có lời nói nào với gia đình bà. Đối với đơn xin ly hôn của anh M, gia đình bà không có ý kiến gì, tùy anh chị quyết định.

Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX thấy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị Vân A đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên. Tại phiên tòa, cho thấy thái độ cương quyết ly hôn của anh M đối với chị Vân A và anh M khẳng định không còn tình cảm gì với chị Vân A, nếu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M mà cho vợ chồng anh chị đoàn tụ thì cũng không thể xây dựng gia đình trọn vẹn như ban đầu. Hơn nữa, chị Vân A không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần báo chị Vân A đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, nhưng không đến Tòa án không hợp tác ký biên bản và không đến hòa giải không có lý do, việc chị Vân A không đồng ý ly hôn chỉ là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên không có cơ sở để bác đơn khởi kiện. Cần chấp yêu cầu xin ly hôn của anh M, xử cho được ly hôn với chị Vân A là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 16/4/2017. Hiện con chung đang ở cùng với chị Vân Anh. Anh M có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị Vân A cấp dưỡng nuôi con, chị Vân Anh do không đồng ý ly hôn nên chị không có đề nghị gì về con chung. HĐXX xét thấy rằng, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con”*. Con chung hiện tại ở chung cùng chị Vân A, tại phiên tòa, anh M xác định con vẫn được chị Vân A nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo. Bên cạnh đó đến thời điểm xét xử cháu Nguyễn Ngọc Bảo T chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần thiết phải giao con cho chị Vân A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa ngày hôm nay sau khi nghe phân tích, anh M nhất trí để chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện mức cấp dưỡng nuôi con mức 2.500.000đ/

tháng cùng chị Vân A. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 8/2019 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do đó, căn cứ vào Điều 110, khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận việc anh M tự nguyện đồng ý để chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng con chung và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo thỏa thuận.

[5]. *Tài sản chung*: không có, không đặt ra việc giải quyết.

Về nợ chung: Anh M xác định đã trả khoản nợ 10.000.000đ vào ngày 24/5/2019, việc giao nhận thực hiện tại Tòa án thị xã Phổ Yên nên không còn nợ chung, HĐXX không đặt ra việc giải quyết.

Khoản cho vay chung: không có, không đặt ra việc giải quyết.

[6]. *Án phí*: : Căn cứ Điều 131; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh M phải chịu án phí theo quy định.

[7]. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 131, Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung của anh Nguyễn Quang M đối với chị Phạm Thị Vân A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang M được ly hôn chị Phạm Thị Vân A.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 16/4/2017, cho chị Phạm Thị Vân A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh M được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện việc anh Nguyễn Quang M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vân A mỗi tháng 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng: kể từ tháng 8/2019 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc đến khi chị Vân A hoặc anh M có yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về Tài sản chung vợ chồng, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. Án phí: anh Nguyễn Quang M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, biên lai thu số 0009948 ngày 18/03/2019. Anh M còn phải nộp tiếp 300.000đ.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Mạnh, báo cho biết anh M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Vân A vắng mặt tại phiên tòa. Báo cho biết, chị Vân A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Vạn Phái.T X PY, TN;
- UBND phường Ba Hàng, TX PY (nơi ĐKKH);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- VKSND, Tỉnh, Huyện;
- THA dân sự;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Chu Thị Hồng Hải